

THẢO LUẬN CHIẾN LƯỢC KINH TẾ QUỐC GIA

Vũ Thành Tự Anh

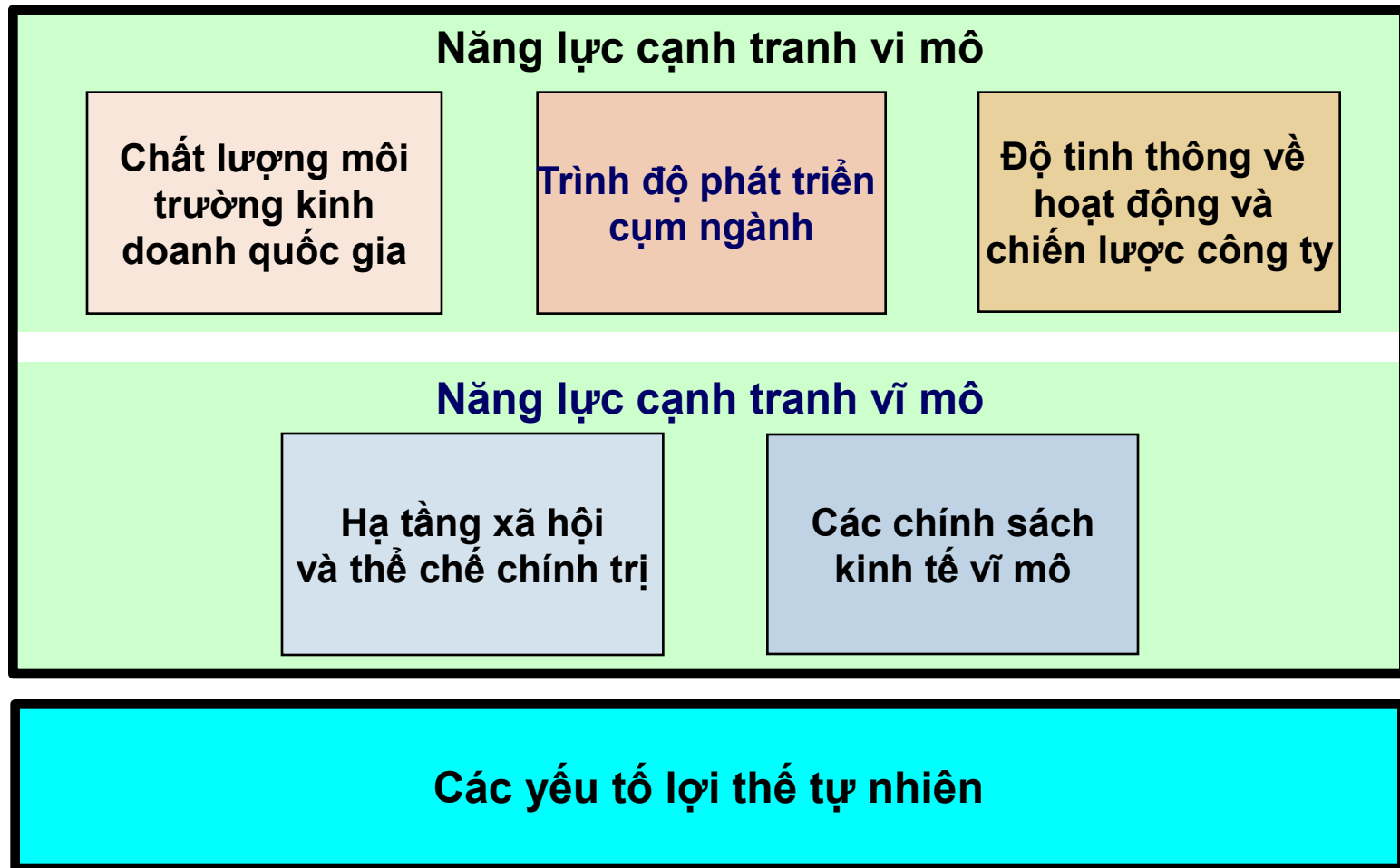
Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright

Các tình huống của Phần 3

2

- **Chuyển đổi Korea Inc.:** Khủng hoảng tài chính và cải cách thể chế
- **Malaysia:** Nửa đường đến năm 2020
- **Trung Quốc:** Xây dựng chủ nghĩa tư bản với các đặc điểm xã hội chủ nghĩa

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



- Năng lực cạnh tranh của ba quốc gia này đến từ đâu?
- Nguồn gốc năng lực cạnh tranh của ba quốc gia này biến đổi như thế nào?

Quy trình chiến lược

4

- Nhận dạng thực trạng nền kinh tế
 - ▣ Kinh tế nội địa và kinh tế quốc tế
- Xây dựng chiến lược:
 - ▣ Mục tiêu chiến lược
 - ▣ Các giải pháp chiến lược và chính sách
 - ▣ Lựa chọn giải pháp và ưu tiên chính sách
- Tổ chức thực thi chiến lược
 - ▣ Chính trị
 - ▣ Kinh tế
 - ▣ Thể chế ...
- Phản hồi, đánh giá, điều chỉnh chiến lược

13 quốc gia duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP cao trong thời gian dài

5

Economy	Period of high growth**	Per capita income at the beginning and 2005***	
Botswana	1960–2005	210	3,800
Brazil	1950–1980	960	4,000
China	1961–2005	105	1,400
Hong Kong, China*	1960–1997	3,100	29,900
Indonesia	1966–1997	200	900
Japan*	1950–1983	3,500	39,600
Korea, Rep. of*	1960–2001	1,100	13,200
Malaysia	1967–1997	790	4,400
Malta*	1963–1994	1,100	9,600
Oman	1960–1999	950	9,000
Singapore*	1967–2002	2,200	25,400
Taiwan, China*	1965–2002	1,500	16,400
Thailand	1960–1997	330	2,400

Source: World Bank, World Development Indicators.

*Economies that have reached industrialized countries' per capita income levels.

**Period in which GDP growth was 7 percent per year or more.

***In constant US\$ of 2000.

Một góc nhìn khác

Tại sao một số quốc gia thành công?

6

- “Chúng ta **không biết những điều kiện đủ** cho sự tăng trưởng. Chúng ta có thể mô tả các nền kinh tế thành công trong giai đoạn sau Chiến tranh thế giới thứ 2, nhưng chúng ta không thể kê ra một cách chắc chắn các yếu tố đảm bảo thành công của họ, hoặc các yếu tố mà thiếu chúng họ đã không thể thành công.”
- **Một số điều kiện cần:**
 1. Hội nhập quốc tế
 2. Ổn định vĩ mô
 3. Tiết kiệm & đầu tư cao
 4. Phân bổ nguồn lực qua thị trường
 5. Chính phủ có năng lực, đáng tin cậy
 6. Đầu tư cao cho giáo dục và y tế

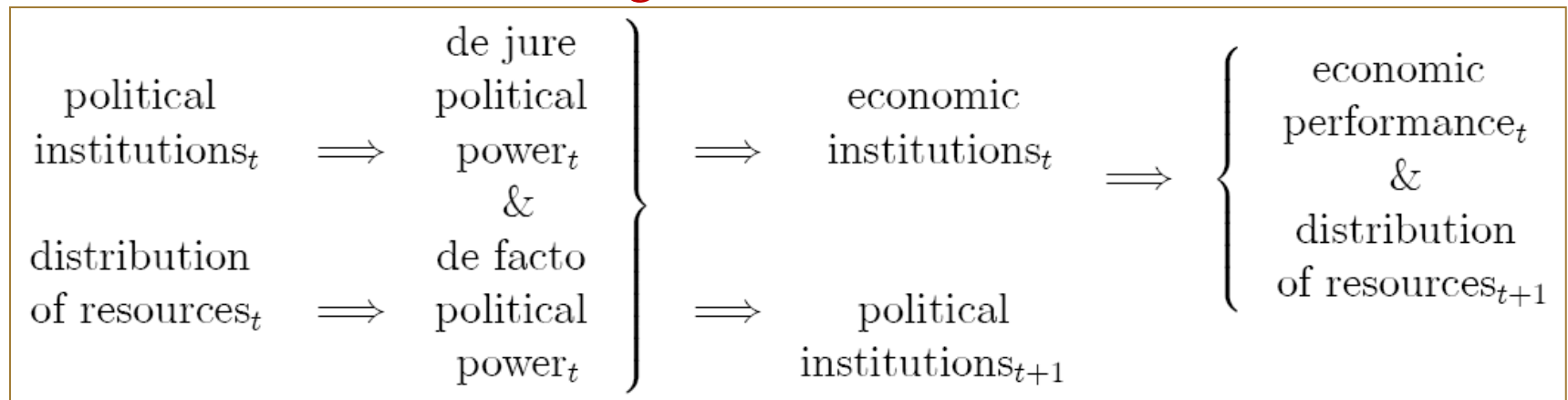
Nguồn: The Growth Report: Strategies for Sustained Growth and Inclusive Development
(www.growthcommission.org)

Một góc nhìn khác

Tại sao nhiều quốc gia thất bại?

7

Acemoglu, Johnson, and Robinson (2004). "Institutions as the Fundamental Cause of Long-Run Growth"



Acemoglu and Robinson (2012). "Why Nations Fail?"

- Hệ thống thể chế chính trị và kinh tế có tính "**tước đoạt**" (extractive)
- Những thể chế có tính "tước đoạt" rất khó thay đổi, mặc dù chúng có thể phải chịu nhiều áp lực tại một số thời điểm bước ngoặt.
- Sự phát triển của các nước giàu (tiêu biểu là phương tây và Mỹ) bắt nguồn từ hệ thống thể chế có tính "**dung hợp**" (inclusive).
- Trong khi đó, ở các nước nghèo, các thể chế có tính "tước đoạt" đã được duy trì qua thời gian và do vậy vẫn tiếp tục nghèo.

Thể chế “tước đoạt” sv. “dung hợp”

- **Thể chế chính trị “tước đoạt”**: Các thể chế chính trị tập trung quyền lực trong tay của một vài cá nhân hay nhóm người mà không có hạn chế, kiểm soát và đối trọng, không có “thượng tôn pháp luật”.
- **Thể chế kinh tế “tước đoạt”**: Không có pháp luật và trật tự; quyền sở hữu không được bảo đảm; rào cản gia nhập thị trường; các quy định ngăn cản hoạt động của thị trường và tạo ra một sân chơi bất công.
- **Thể chế chính trị “dung hợp”**: Các thể chế chính trị cho phép sự tham gia rộng rãi; áp đặt hạn chế và kiểm soát các chính trị gia; thượng tôn pháp luật (liên quan chặt chẽ với sự tham gia rộng rãi). Nhưng cũng có một số mức độ tập trung chính trị nhất định để có thể thực thi hiệu quả luật pháp và duy trì trật tự.
- **Thể chế kinh tế “dung hợp”**: Quyền sở hữu được bảo đảm, luật pháp và trật tự, dựa vào thị trường, nhà nước hỗ trợ thị trường (dịch vụ công và luật định); gia nhập thị trường tương đối tự do; tôn trọng hợp đồng; tiếp cận với giáo dục và cơ hội cho đại đa số công dân.